



# CÔNG BÁO

*Do UBND tỉnh Phú Thọ xuất bản*

Số 5

Ngày 31 tháng 01 năm 2008

## MỤC LỤC

Ngày ban hành

Trích yếu nội dung

Trang

### PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

25-02-2008

Quyết định số 439/2008/QĐ-UBND v/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

4

### PHẦN II. VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

21-02-2008

Quyết định số 420/QĐ-UBND v/v thu hồi và giao đất cho Ban Quản lý dự án công trình xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ xây dựng kênh tưới công trình hồ Xuân Sơn, thuộc dự án Tưới cây trồng cạn huyện Thanh Sơn, tại địa bàn xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn.

11

22-02-2008	Quyết định số 422/QĐ-UBND v/v Duyệt điều chỉnh mức thu học phí đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.	14
25-02-2008	Quyết định số 436/QĐ-UBND v/v thu hồi và giao đất cho Công ty cổ phần Gốm xây dựng Phong Châu thuê để xây dựng Nhà máy gạch tuynel Phong Châu, tại địa bàn xã Tử Đà, huyện Phù Ninh.	16
26-02-2008	Quyết định số 452/QĐ-UBND v/v điều chỉnh diện tích loại đất thu hồi tại Khoản a, Điều 1, Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của UBND tỉnh.	18
29-02-2008	Quyết định số 482/QĐ-UBND /v thu hồi và giao đất cho Doanh nghiệp tư nhân Quyết Thắng thuê để xây dựng cơ sở sản xuất gạch theo công nghệ lò liên hoàn kiểu đứng, tại địa bàn thị trấn Sông Thao, huyện Cẩm Khê.	20

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

04-02-2008	Chỉ thị số 04/CT-UBND về việc tăng cường quản lý công tác an toàn, vệ sinh lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	22
04-02-2008	Quyết định số 360/QĐ-UBND v/v phê duyệt danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng và phương án cấp điện khi thiếu nguồn điện năm 2008 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.	26
14-02-2008	Quyết định số 365/QĐ-UBND v/v Duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành: Cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước Việt Trì.	51
15-02-2008	Quyết định số 373/QĐ-UBND v/v Duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo cơ đê tả sông Thao (đoạn Minh Nông - Cao Xá) thành đường giao thông.	54
15-02-2008	Quyết định số 375/QĐ-UBND duyệt điều chỉnh, bổ sung một số tuyến đường tỉnh, đường huyện.	56
15-02-2008	Quyết định số 376/QĐ-UBND về việc bãi bỏ các quyết định ban hành đơn giá xây dựng công trình.	59
18-02-2008	Chỉ thị số 05/CT-UBND v/v tiếp tục tăng cường chỉ đạo xử lý khẩn cấp khắc phục tình hình mạ chết, lúa chết và	60

hạn hán đảm bảo sản xuất vụ Đông Xuân 2007 - 2008.

20-02-2008	Quyết định số 393/QĐ-UBND v/v duyệt chi phí cổ phần hóa doanh nghiệp, chi phí đào tạo lại lao động, giá trị cổ phần mua ưu đãi và thanh toán tiền bán cổ phần tại Công ty cổ phần Bia, rượu Sài Gòn - Đồng Xuân.	64
20-02-2008	Quyết định số 399/QĐ-UBND v/v: Thành lập Ban chỉ đạo công tác phi Chính phủ nước ngoài tỉnh Phú Thọ.	66
20-02-2008	Quyết định số 402/QĐ-UBND v/v Giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2008 cho Dự án phát triển cây chè tỉnh Phú Thọ, sử dụng vốn AFD.	68
22-02-2008	Quyết định số 428/QĐ-UBND v/v Phân bổ vốn đầu tư hạ tầng du lịch năm 2008.	74
22-02-2008	Quyết định số 429/QĐ-UBND v/v Duyệt kết quả đấu thầu xây lắp công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông vào làng nghề xã Ngô Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ - sử dụng nguồn vốn JBIC.	75
25-02-2008	Quyết định số 440/QĐ-UBND v/v trích ngân sách tỉnh 1.465.090.000 đồng, cấp hỗ trợ cho chương trình phát triển thủy sản năm 2007.	77
28-02-2008	Quyết định số 469/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo và Ban Tổ chức cuộc thi mẫu tháp Hùng Vương - Khu di tích lịch sử Đền Hùng.	78
28-02-2008	Quyết định số 474/QĐ-UBND về việc duyệt giá cho thuê địa điểm kinh doanh tại nhà A3 chợ Mè, thị xã Phú Thọ.	80
28-02-2008	Quyết định số 476/QĐ-UBND v/v Thay đổi thành viên Ban điều hành Chương trình 135 giai đoạn II.	81
29-02-2008	Quyết định số 490/QĐ-UBND v/v Duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng Khu du lịch Văn Lang - thành phố Việt Trì (đợt 5).	82
29-02-2008	Quyết định số 491/QĐ-UBND v/v Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư cụm công nghiệp Bạch Hạc giai đoạn II - phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì.	84

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 439/2008/QĐ-UBND

*Việt Trì, ngày 25 tháng 02 năm 2008*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi tỉnh Phú Thọ  
giai đoạn 2006 - 2015 và định hướng đến năm 2020**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ đến năm 2020; Quy hoạch nông, lâm nghiệp - thủy sản tỉnh Phú Thọ đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 và các Quy hoạch ngành đã được phê duyệt;

Căn cứ Nghị quyết số 126/2007/NQ-HĐND ngày 12/12/2007 của HĐND tỉnh về Quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 11/Tr-SNN ngày 21/01/2008,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 - 2015 và định hướng đến năm 2020, như sau:

### **1. Quan điểm, mục tiêu:**

#### **a) Quan điểm:**

- Quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020; quy hoạch nông, lâm nghiệp - thủy sản đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 và các Quy hoạch ngành đã được phê duyệt, đồng thời phải theo định hướng phát triển thủy lợi của Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi dựa trên cơ sở khai thác, sử dụng tổng hợp nguồn nước nhằm chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng phát huy lợi thế của từng vùng để phát triển sản xuất hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi góp phần đổi mới cơ cấu đầu tư, kết hợp thủy lợi với cấp nước cho công nghiệp, dân sinh, du lịch - dịch vụ, đảm bảo quốc

phòng - an ninh, cải thiện môi trường sinh thái nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của các công trình thủy lợi trên địa bàn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác thủy lợi trong quản lý khai thác, đầu tư xây dựng và bảo vệ công trình.

b) Mục tiêu:

- Mục tiêu chung:

+ Quy hoạch tổng thể phát triển thủy lợi nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi và cung cấp nguồn nước theo hướng đa mục tiêu; kết hợp chặt chẽ xây dựng hạ tầng thủy lợi với phát triển giao thông, du lịch - dịch vụ.

+ Thực hiện các giải pháp công trình và phi công trình nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.

+ Đáp ứng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2010 và định hướng đến 2020.

- Mục tiêu cụ thể đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020:

+ Về cấp nước:

*Cấp nước tưới cho cây trồng hàng năm và cây vùng đồi:*

Cây hàng năm: Cấp nước tưới chủ động cho 52.400 ha đất trồng cây hàng năm.

Cây vùng đồi: Đến năm 2015 đảm bảo đủ nguồn tưới cho 30%, đến năm 2020 là 40% diện tích chè và cây ăn quả trên địa bàn tỉnh.

*Cấp nước cho các ngành khác:*

Đảm bảo nguồn để cấp nước phục vụ cho phát triển công nghiệp đến năm 2015 là 223.168.000m<sup>3</sup>/năm, định hướng đến năm 2020 là 285/139.000m<sup>3</sup>/năm.

Đảm bảo nguồn và tạo nguồn cấp nước phục vụ du lịch.

Tạo nguồn và cấp nước cho phát triển thủy sản: Đến năm 2015 là 11.350ha, đến năm 2020 là 12.500 ha.

+ Về tiêu nước: Đến năm 2015 tiêu nước chủ động bằng động lực cho 9.068 ha và đến năm 2020 tiêu cho 11.644 ha ruộng vùng thấp, trũng; trong đó kết hợp tiêu cho 2.945 ha để nuôi trồng thủy sản.

+ Về phòng chống lũ: Tu bổ, củng cố hệ thống đê điều để chống được mực nước lũ thiết kế, kết hợp đường giao thông đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đến cấp II miền núi; những tuyến đê đi qua khu vực thành phố, thị xã đảm bảo tiêu chuẩn đường giao thông đô thị; thực hiện giải pháp phòng tránh đối với các vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kè bảo vệ ổn định bờ, vỡ sông.

+ Các công trình thủy lợi kết hợp thủy điện: Ở những vùng có điều kiện địa hình thuận lợi về dòng chảy và nguồn nước dồi dào xây dựng các công trình thủy lợi kết hợp thủy điện.

## 2. Nội dung quy hoạch:

Phương án Quy hoạch: Phương án kết hợp vừa tập trung vừa phân tán.

### a) Quy hoạch cấp nước:

- Đối với lưu vực sông Đà và sông Lô: Ưu tiên tu sửa, nâng cấp công trình trạm bơm tưới hiện có; nâng cấp, cải tạo các công trình hồ chứa và đập dâng; xây dựng mới các công trình như hồ, đập, trạm bơm và trạm thủy luân.

- Đối với lưu vực sông Thao: Ưu tiên tập trung kiên cố hóa kênh chính, kênh nội đồng để nâng cao hiệu quả sử dụng nước; cải tạo, nâng cấp và thay thế các thiết bị máy bơm bị hư hỏng; tu bổ và xây dựng mới các công trình như hồ, đập và trạm thủy luân để tưới cây vùng đồi.

- Quy hoạch tưới cây vùng đồi: Xây dựng các công trình thủy lợi ở gần khu tưới để tạo nguồn, còn lại nhân dân tự xây các bể chứa trên đồi để dẫn nước tưới hoặc dùng các phương tiện gia đình khác như máy bơm mini,... để lấy nước trực tiếp từ hồ lên tưới cho cây trên đồi.

- Kiên cố hóa kênh mương: Đến năm 2010: đưa số km kênh đã kiên cố lên 70%, năm 2015 đạt 80%, định hướng đến năm 2020 đạt 95%.

Sau quy hoạch, cải tạo, nâng cấp 474 công trình và xây dựng mới 330 công trình thủy lợi phục vụ tưới sẽ đảm bảo tưới diện tích đất trồng cây hàng năm là 52.400 ha (trong đó: Lúa Chiêm xuân 33.300 ha, lúa mùa 32.400 ha và 19.100 ha rau màu, đất trồng cỏ và cây hàng năm khác); kết hợp tạo nguồn tưới cho 11.800 ha/36.265 ha đất cây dài ngày và cây lâu năm.

- Quy hoạch các công trình thủy lợi kết hợp du lịch và phục vụ sản xuất công nghiệp: Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới 17 công trình thủy lợi kết hợp phát triển du lịch - dịch vụ. Phương án cấp nước cho công nghiệp chủ yếu là dùng các trạm bơm nước trực tiếp từ các dòng chính lên và qua hệ thống xử lý làm sạch sau đó đưa vào sử dụng cho các nhà máy. Các công trình hồ chứa, đập dâng khác nằm trên thượng nguồn các sông, suối hàng năm bổ sung lượng nước xuống hạ du để duy trì dòng chảy mùa kiệt, tạo thế cân bằng về nước cho các ngành dùng nước.

### b) Quy hoạch tiêu úng:

Ưu tiên nâng cấp, sửa chữa các công trình đã có để phát huy hết công suất của các trạm bơm tiêu, hạn chế tối đa việc xây dựng mới các công trình tiêu bằng động lực; trường hợp cần xây dựng mới phải thực hiện theo hướng đa mục tiêu (tiêu cho lúa, thủy sản, nước thải...). Tập trung nâng cấp ngòi tiêu, cống tiêu để tăng khả năng tiêu tự chảy. Khoanh vùng đầu tư hạ tầng tiêu nội đồng để chuyển sang nuôi thủy sản.

Đến năm 2020: Cải tạo, nâng cấp 30 trạm bơm tiêu; nạo vét hệ thống kênh tiêu, ngòi tiêu hiện có; cải tạo, nâng cấp 71 cống tiêu tự chảy; xây dựng mới 18 trạm bơm tiêu, giải quyết tiêu cho 31.787 ha úng ngập (trong đó tiêu động lực 11.644 ha, tiêu tự chảy 20.143 ha).

### c) Quy hoạch phòng, chống lũ:

- Đối với đê: Đảm bảo chống lũ an toàn ở mực nước thiết kế; cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống đê kết hợp đường giao thông. Những tuyến đê chưa đảm bảo cao trình chống lũ thiết kế: Đắp tôn cao, áp trúc, cứng hóa mặt kết hợp giao thông. Những tuyến đê đã đảm bảo cao trình chống lũ thiết kế: cứng hóa mặt kết hợp giao thông. Nâng cấp một số tuyến đê từ cấp IV lên cấp III.

- Đối với kè: Bảo vệ ổn định bờ, vỡ sông, công trình đê điều, khu dân cư và góp phần chỉnh trị dòng, chống sạt lở lâu dài toàn tuyến. Tu sửa những kè bị hư hỏng, bong xô. Làm mới một số kè trên các tuyến sông.

- Đối với các cống: Đảm bảo tiêu úng, ngăn nước sông xâm nhập vào trong đồng an toàn trong mùa lũ; tại các vị trí điều kiện cho phép thì kết hợp lấy nước phù sa để cải tạo đồng ruộng. Xây dựng lại các cống dưới đê đã lâu năm, xuống cấp. Sửa chữa các cống hư hỏng. Lắp hệ thống đóng mở bằng điện cho các cống lớn chưa có hệ thống đóng mở bằng điện.

Đến năm 2020: Nâng cấp, tu bổ 382 km đê; xây mới và sửa chữa 71 cống; xây dựng 89,8 km kè, 83 điểm canh đê.

d) Quy hoạch các công trình thủy lợi kết hợp với thủy điện:

Đến năm 2020: Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới 28 công trình (Nâng cấp, tu bổ 12 công trình; xây mới 16 công trình). Diện tích tưới thiết kế 1.787 ha và công suất phát điện 1,230MW.

### **3. Kinh phí thực hiện và nguồn vốn đầu tư:**

a) Kinh phí thực hiện: 11.335 tỷ đồng, trong đó: Giai đoạn 2007 - 2010: 4.499 tỷ đồng; giai đoạn 2011 - 2015: 4.065 tỷ đồng; giai đoạn 2016 - 2020: 2.722 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách: 5.668 tỷ đồng (chiếm 50%); vốn vay ODA: 3.401 tỷ đồng (chiếm 30%); vốn đóng góp của dân; 567 tỷ đồng (chiếm 5%); vốn khác: 1.700 tỷ đồng (chiếm 15%).

### **4. Các giải pháp chủ yếu:**

a) Về huy động nguồn vốn:

- Đối với hệ thống công trình lớn: Trình Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương xem xét, bố trí bằng nguồn vốn ngân sách và trái phiếu Chính phủ đồng thời tranh thủ nguồn vốn ODA.

- Đối với công trình vừa và nhỏ: Dùng vốn đầu tư từ ngân sách địa phương, nguồn vốn ODA, vốn vay của các tổ chức quốc tế, vốn của các chương trình mục tiêu,... Ngoài các nguồn vốn nói trên cần huy động nguồn lực của các thành phần kinh tế khác trong xã hội như vốn đầu tư của các Hợp tác xã dùng nước, của tư nhân, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư nước ngoài. Sau khi đầu tư xây dựng xong có thể cho phép các thành phần kinh tế này tự quản lý khai thác để thu hồi vốn.